

Bản án số: 38/2025/DS-PT

Ngày: 21-01-2025

V/v: “Đòi lại đất và yêu cầu huỷ
Giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự

Các Thẩm phán: ông Phạm Tồn

ông Trần Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Ngọc Gia Linh, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 179/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Đòi lại đất và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2024/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981

Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình;

- Bị đơn: + Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964

Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: ông Trần Tiến B, sinh năm 1965

Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình;

+ Ông Hồ Hữu C1, sinh 1975; bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976

Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Duy B1 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L;

+ Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Quang T2 – Công chức địa chính UBND xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình;

+ Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1976

Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

- Người kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H (viết tắt là nguyên đơn) trình bày:

Năm 2013, vợ chồng nguyên đơn được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số BP 313338 ngày 03/10/2013, có diện tích 829m² tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 7 xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Nguồn gốc thửa đất này là do ông Nguyễn Văn T3 khai hoang từ năm 1973 (ông T3 đã chết là bố của ông Nguyễn Văn V chồng nguyên đơn), tặng cho vợ chồng nguyên đơn từ năm 1996; năm 2003 nguyên đơn sử dụng đất trồng cây bạch đàn, năm 2003 vợ chồng nguyên đơn đi làm thuê tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, năm 2006 nguyên đơn có thuê người đổ thêm cát để xây dựng nhà ở. Năm 2012 vợ chồng nguyên đơn về sinh sống tại quê nhà thì phát hiện ông C1, bà T1 đã xây dựng nhà ở trên một phần diện tích đất của nguyên đơn. Qua tìm hiểu được biết năm 2009 bà Nguyễn Thị C đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ trên một phần thửa đất của vợ chồng nguyên đơn, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BB 048459 ngày 08/6/2010 của UBND huyện L cấp cho bà Nguyễn Thị C tại thửa đất số 216, Tờ bản đồ số 7 thôn T, diện tích 396m² và buộc ông Hồ Hữu C1, bà Nguyễn Thị T1 .

Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị C và người đại diện theo ủy quyền của bà C (viết tắt là bà Nguyễn Thị C) trình bày:

Năm 2009 bà Nguyễn Thị C đấu trúng 02 thửa đất, gồm: Thửa đất số 216, tờ bản đồ số 7 thôn T, xã N, huyện L, diện tích 396m² và đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BB 048459 ngày 08/6/2010 và thửa đất số 216, tờ bản đồ số 7 thôn T, có diện tích 300m² đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BB 048460 ngày 08/6/2010 (bà C đấu giá trúng hai thửa đất và được cấp hai Giấy

GCNQSDD cùng thửa đất số 216, tờ bản đồ số 7 xã N Bắc nhưng hai thửa đất ở hai thôn và có diện tích đất khác nhau). Sau khi đấu giá trúng hai thửa đất bà Nguyễn Thị C đã sử dụng thửa đất số 216, tờ bản đồ số 7 thôn T, có diện tích 300m² để làm nhà ở, riêng thửa đất số 216, tờ bản đồ số 7 thôn T, diện tích 396m² là đất sạch (không có cây trồng) bà Nguyễn Thị C chưa sử dụng thì nguyên đơn tranh chấp. Việc bà Nguyễn Thị C đấu trúng 02 thửa đất vào năm 2009 và đã được UBND huyện L cấp GCNQSDD theo đúng quy định, hiện nay trên bản đồ địa chính năm 2018 không thể hiện thửa đất của bà Nguyễn Thị C là do lỗi của cơ quan Nhà nước, do đó bà Nguyễn Thị C không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Hồ Hữu C1, bà Nguyễn Thị T1 (viết tắt là ông C1, bà T1) trình bày:

Năm 2010, ông C1, bà T1 có nhu cầu xây dựng nhà ở nên đã liên hệ với UBND xã N và được công chức địa chính, Chủ tịch UBND xã N cho biết thửa đất số 125, tờ bản đồ số 7 thôn T, diện tích 396m² đất đã đưa ra đấu giá năm 2009 nhưng không có người tham gia đấu thửa đất này, vì khu vực này nguyên là khe nước chảy, sâu nhưng do ông C1, bà T1 có nhu cầu làm nhà nên ông C1, bà T1 đã đăng ký mua và tiến hành xây dựng nhà ở từ đầu năm 2011, sinh sống ổn định cho đến nay không có tranh chấp; nguyên đơn sống cùng thôn biết ông C1, bà T1 làm nhà nhưng cũng không có ý kiến gì. Quá trình sử dụng đất nguyên đơn đã làm việc với UBND xã N để nộp tiền mua thửa đất theo quy định, nhưng đến nay chưa được thực hiện, do đó ông C1, bà T1 không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn V và người đại diện theo ủy quyền của ông V trình bày: ông là chồng của nguyên đơn trong vụ án này và ông đồng nhất với lời trình bày của nguyên đơn.

Tại Công văn số 1071/UBND – TNMT ngày 07/5/2024 của UBND huyện L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày:

Theo hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì bà Nguyễn Thị C được UBND huyện L cấp GCNQSDD số BB 048460 ngày 08/6/2010, tại thửa đất số 216, Tờ bản đồ số 7 xã N Bắc; nguồn gốc thửa đất thông qua kết quả đấu giá quyền sử dụng đất.

Tại Công văn số 221/CV - UBND ngày 30/5/2024 của UBND xã N, huyện L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày:

Thửa đất số 216, tờ bản đồ số 7, thôn T, diện tích 396 m² của bà Nguyễn Thị C đã được UBND huyện L cấp GCNQSDD số BB 048459 ngày 08/6/2010 không thể hiện trên bản đồ địa chính được phê duyệt năm 2014 và năm 2018. Trên địa bàn xã N Bắc được đo đạc bản đồ địa chính qua 2 thời kỳ: Năm 2007 đo đạc lập bản đồ địa chính sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Q nhưng được phê duyệt ngày 13 tháng 3 năm 2014 (lần 1); năm 2017 đo đạc bản đồ địa chính được Sở T phê duyệt

ngày 13 tháng 12 năm 2018 (lần 2). Trong quá trình đo đạc đơn vị đo vẽ, cán bộ Địa chính qua các thời kỳ không theo dõi cập nhật hồ sơ Địa chính của chủ sử dụng đất nên thửa đất số 216, tờ bản đồ số 7, diện tích 396 m² cấp ngày 08/6/2010 mang tên **Nguyễn Thị C** không thể hiện trên bản đồ Địa chính phê duyệt năm 2014 và 2018; sổ Mục kê đất đai (Thửa đất số 216, tờ bản đồ số 7, diện tích 396 m² được đo vẽ phân lô bằng thủ công không có tọa độ địa chính). Theo thông tin kê khai của chủ sử dụng đất là bà **Nguyễn Thị C** thì thửa đất số 125, tờ bản đồ số 7, diện tích 829 m² được **UBND huyện L** cấp GCNQSDĐ số BP 313338 cấp ngày 03/10/2013 cho ông **V**, bà **H** (thửa đất này thể hiện trên nền bản đồ được đo vẽ năm 2007 **Sở T** duyệt năm 2014) đã chồng lấn lên thửa đất của bà **C** đầu trúng giá được **UBND huyện L** cấp GCNQSDĐ số BB 048459 ngày 08/6/2010.

Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại **UBND xã N** qua các thời kỳ thì không tìm thấy số liệu và giấy tờ liên quan đến việc kiểm tra và giao đất thực địa cho ông **V**, bà **H** tại thửa đất số 125, Tờ bản đồ số 7 **thôn T, xã N**, diện tích 829 m². Khai thác hồ sơ lưu trữ tại **xã N Bắc** qua các thời kỳ có lưu trữ: Bản vẽ quy hoạch chi tiết phân lô đất ở lô đất thuộc khu vực **thôn T & thôn T** (bản pho to do **UBND huyện L** duyệt năm 2008); Biên bản giao đất ngày 28/4/2010 của bà **Nguyễn Thị C** (bản pho to chữ ký không đầy đủ); Danh sách các hộ cấp Giấy chứng nhận năm 2010 của **UBND xã N Bắc** ngày 22/3/2010 (bản pho to); Không có hồ sơ đầu giá của bà **Trần Thị H1**; Không có hồ sơ cấp giấy lần đầu của ông **V**, bà **H** (chỉ có bản pho to khai thác tại Chi nhánh VPĐKQSD đất **huyện L**).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2024/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ Điều 34, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 96, điểm đ khoản 1 Điều 99 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà **Nguyễn Thị H** về việc yêu cầu bà **Nguyễn Thị C** trả lại 300m² đất và ông **Hồ Hữu C1**, bà **Nguyễn Thị T1** trả lại 529m² đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 7 **xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình** và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 048459 ngày 08/6/2010 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà **Nguyễn Thị C** tại thửa đất số 216, Tờ bản đồ số 7 **thôn T**, diện tích 396m² và buộc ông **Hồ Hữu C1**, bà **Nguyễn Thị T1** tháo dỡ nhà ở đã xây dựng trái phép trên thửa đất.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 313338 ngày 03/10/2013 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông **Nguyễn Văn V**, bà **Nguyễn Thị H** tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 7 **xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình**.

3. Kiến nghị **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q**, Ủy ban nhân dân huyện L, Ủy ban nhân dân xã N Bắc điều chỉnh tờ bản đồ số 7 **xã N Bắc** theo đúng thực

tế sử dụng đất của bà Nguyễn Thị C và các các hộ sử dụng đất liền kề.

4. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L và Ủy ban nhân dân xã N, huyện L sửa đổi hồ sơ bán đấu giá năm 2009 đối với thửa đất số 216, tờ bản đồ số 7 thôn T, xã N, huyện L; diện tích 396m² đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BB 048459 ngày 08/6/2010 cho bà Nguyễn Thị C theo đúng địa chỉ thửa đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

Ngày 14/8/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2024/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 048459 do UBND huyện L cấp ngày 08/6/2010 cho bà Nguyễn Thị C và trả lại đất cho bà Nguyễn Thị H; buộc ông Hồ Hữu C1 và bà Nguyễn Thị T1 tháo dỡ căn nhà xây trái phép và trả lại 529m² đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình đã lấn chiếm của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở, không có chứng cứ mới làm thay đổi bản chất nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Năm 2009 bà Nguyễn Thị C đấu trúng 02 thửa đất, gồm: Thửa đất số 216, tờ bản đồ số 7 thôn T, xã N, huyện L, diện tích 396m² và đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BB 048459 ngày 08/6/2010 (hồ sơ ghi thửa đất ở thôn T); thửa đất số 216, tờ bản đồ số 7 thôn T, xã N, diện tích 300m² và đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BB 048460 ngày 08/6/2010. Như vậy, bà Nguyễn Thị C đấu giá trúng hai thửa đất và đã được cấp hai giấy GCNQSDĐ cùng thửa đất số 216, tờ bản đồ số 7 xã N Bắc, nhưng hai thửa đất tại hai thôn (Thôn T và thôn T) và diện tích tại hai thửa đất này cũng khác nhau (bút lức số 100, 101, 102, 173, 174 và 175).

[2] Năm 2013 nguyên đơn được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BP 313338 ngày 03/10/2013, diện tích 829m² tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 7 thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Theo nguyên đơn thì thửa đất này có nguồn gốc của cụ ông Nguyễn Văn T3 là bố của chồng của nguyên đơn khai hoang từ năm 1973, đến năm 1996 tặng cho vợ chồng nguyên đơn (bút lục số 157 và 158).

[3] Quá trình thu thập chứng cứ, thấy: Thửa đất số 216, tờ bản đồ số 7 thôn

T, xã N, huyện L, diện tích 396m² đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BB 048459 ngày 08/6/2010 cho bà Nguyễn Thị C không thể hiện trên sổ mục kê đất đai và Bản đồ địa chính xã N Bắc được phê duyệt năm 2014 và năm 2018; nhưng tại hồ sơ cấp GCNQSDĐ, danh sách đấu trúng thửa đất và đề nghị cấp GCNQSDĐ lưu trữ tại UBND xã N và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thể hiện bà Nguyễn Thị C đấu giá trúng thửa đất này, tuy nhiên tại quyết định giao đất và GCNQSDĐ lưu tại hồ sơ cấp GCNQSDĐ ghi địa chỉ thửa đất ở thôn T (bút lục số 76, 79, 90, 91, 139, 174 và 175).

[4] Tại hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất xã N Bắc năm 2009, hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bà Trần Thị H1 tại thửa đất số 197, tờ bản đồ số 7 thôn T (bà H1 đấu giá trúng thửa đất năm 2008) và hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị C tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 7 thôn T, xã N, huyện L, diện tích 396m² thể hiện thửa đất của bà Nguyễn Thị C đang bị nguyên đơn tranh chấp nằm liền kề với thửa đất của bà H1, nhưng thửa đất của bà H1 được thể hiện trên bản đồ địa chính, còn thửa đất của bà Nguyễn Thị C không được thể hiện trên bản đồ địa chính, đây là lỗi của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai, không thuộc lỗi của bà Nguyễn Thị C (bút lục số 166, 167, 173, 174 và 175).

[5] Tại Công văn số 267/CV – UBND ngày 09/7/2024 của UBND xã N xác định thửa đất số 125, tờ bản đồ số 7 thôn T, xã N, diện tích 829m² được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BP 313338 ngày 03/10/2013 cho nguyên đơn (thửa đất này thể hiện trên nền bản đồ được đo vẽ năm 2007 Sở T duyệt năm 2014) đã chồng lấn lên thửa đất của bà Nguyễn Thị C đấu trúng giá năm 2009 và đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BB 048459 ngày 08/6/2010 (bút lục số 189).

[6] Kết quả thẩm định tại chỗ thể hiện: thửa đất của nguyên đơn đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BP 313338 ngày 03/10/2013 chồng lấn lên toàn bộ thửa đất số 216, tờ bản đồ số 7 thôn T, xã N, huyện L, diện tích 396m² đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BB 048459 ngày 08/6/2010 cho bà Nguyễn Thị C và chồng lên 327,5m² đất ông C1, bà T1 đã làm nhà ở từ năm 2011 (trước khi cấp GCNQSDĐ cho nguyên đơn 02 năm) (bút lục số 40, 120, 129, 130, 131).

[7] Về hồ sơ cấp GCNQSDĐ số BP 313338 ngày 03/10/2013 cho nguyên đơn thấy: tại biên bản ghi lời khai ngày 22/5/2024, nguyên đơn thừa nhận không trực tiếp kê khai để được đăng ký cấp quyền sử dụng đất mà nhờ cụ ông Nguyễn Văn T3 là bố của Nguyễn Văn V kê khai (cụ T3 nay đã chết), do đó chữ ký trên hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ trên thửa đất này không phải của vợ chồng nguyên đơn (bút lục số 51).

[8] Mặt khác, tại thời điểm lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho nguyên đơn vào tháng 5 năm 2013 và UBND huyện L cấp GCNQSDĐ cho nguyên đơn vào tháng 10 năm 2013 đã tồn tại nhà ở của ông C1, bà T1 xây dựng từ đầu năm 2011. Việc

ông **C1**, bà **T1** làm nhà tại thửa đất này có xác nhận của những người trực tiếp xây dựng nhà ở cho ông **C1**, bà **T1**, các gia đình sống liền kề thửa đất và Kết luận số 1434/KL-UBND ngày 28/5/2019 của UBND huyện L về việc thanh tra thực hiện các quy định về đất đai xã N Bắc xác nhận việc ông **C1**, bà **T1** làm nhà ở trên thửa đất số 125, tờ bản đồ số 7 thôn T, xã N Bắc từ đầu năm 2011, trước khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho nguyên đơn hơn 02 năm (bút lục số 157, 158, 160, 164, 165, 190 và 195).

[9] Như vậy, UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BP 313338 ngày 03/10/2013 cho nguyên đơn đã chồng lên diện tích đất bà Nguyễn Thị C mua bán đấu giá trúng năm 2009, đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BB 048459 ngày 08/6/2010 và chồng lên 327,5m² đất ông **C1**, bà **T1** đã làm nhà ở từ năm 2011 (nhà ở ông **C1**, bà **T1** xây dựng trái phép nhưng chưa được xử lý, trước khi cấp GCNQSDĐ cho nguyên đơn hơn 02 năm).

[10] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị C, ông **C1**, bà **T1** trả lại đất là có căn cứ và việc UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BP 313338 ngày 03/10/2013 cho nguyên đơn là trái quy định.

[11] Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận, nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H;
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2024/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.
3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ, đã nộp tại Biên lai số 0005038 ngày 20/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Tự